



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 11 tháng 7 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 11 tháng 7 năm 2025.

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên
	Ông Phan Quang Phú	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Long	Thành viên (từ ngày 18/4/2025)
	Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên (đến ngày 18/4/2025)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Diễm Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
	Bà Đinh Thị Kiều Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn
Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00188-26-1



Wang Toan Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.461.292.648.995	924.919.895.452
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	212.789.246.036	64.985.556.982
Tiền	111		212.789.246.036	64.985.556.982
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		75.000.000.000	185.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	75.000.000.000	185.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		611.186.057.759	156.289.166.101
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	584.156.871.322	129.577.770.798
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	11.191.267.041	17.739.866.476
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	33.633.520.773	28.105.846.065
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(17.795.601.377)	(19.134.317.238)
Hàng tồn kho	140	10	545.809.037.775	517.055.913.768
Hàng tồn kho	141		545.809.037.775	517.055.913.768
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.508.307.425	1.589.258.601
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.655.411.550	1.048.022.292
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	95.458.172
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	14.852.895.875	445.778.137

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		759.091.704.065	857.977.338.079
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.128.000.000	1.128.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.128.000.000	1.128.000.000
Tài sản cố định	220		240.652.278.082	236.499.716.127
Tài sản cố định hữu hình	221	11	232.169.205.754	228.918.200.990
Nguyên giá	222		799.778.947.409	762.832.245.314
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(567.609.741.655)	(533.914.044.324)
Tài sản cố định vô hình	227	12	8.483.072.328	7.581.515.137
Nguyên giá	228		17.167.761.761	14.854.335.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.684.689.433)	(7.272.820.175)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.164.615.130	9.023.751.918
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	9.164.615.130	9.023.751.918
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	432.922.405.912	537.528.324.030
Đầu tư vào công ty con	251		615.700.000.000	615.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(248.777.594.088)	(144.171.675.970)
Tài sản dài hạn khác	260		75.224.404.941	73.797.546.004
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	75.224.404.941	73.797.546.004
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.220.384.353.060	1.782.897.233.531

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

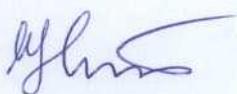
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		992.842.079.130	527.332.952.439
Nợ ngắn hạn	310		990.842.079.130	525.332.952.439
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	86.980.103.002	142.095.686.716
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.905.548.487	1.407.113.133
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	26.391.398.420	26.685.729.417
Phải trả người lao động	314		26.961.420.277	30.086.883.233
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.712.746.911	2.401.962.831
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.058.545.752	4.987.506.285
Vay ngắn hạn	320	20	831.175.065.206	311.949.385.549
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	3.657.251.075	5.718.685.275
Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		2.000.000.000	2.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.227.542.273.930	1.255.564.281.092
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.227.542.273.930	1.255.564.281.092
Vốn cổ phần	411	23	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	369.268.305.426	369.064.672.161
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		25.807.453.813	54.033.094.240
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.430.677.975	7.524.571.093
- LNST năm nay	421b		12.376.775.838	46.508.523.147
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.220.384.353.060	1.782.897.233.531

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

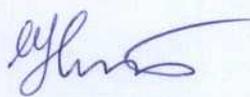
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	2.485.418.116.294	1.842.642.684.543
Giá vốn hàng bán	11	28	1.989.502.036.632	1.382.691.020.105
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		495.916.079.662	459.951.664.438
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	37.245.222.131	27.346.170.073
Chi phí tài chính	22	30	137.917.021.783	66.501.000.062
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>24.985.344.368</i>	<i>12.991.985.164</i>
Chi phí bán hàng	25	31	281.823.439.626	257.773.212.912
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	94.984.775.526	89.405.673.670
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		18.436.064.858	73.617.947.867
Thu nhập khác	31	33	2.225.756.767	4.791.123.674
Chi phí khác	32	34	1.415.331.382	2.890.994.027
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		810.425.385	1.900.129.647
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.246.490.243	75.518.077.514
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	6.869.714.405	12.986.291.257
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		12.376.775.838	62.531.786.257

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng
Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	19.246.490.243	75.518.077.514
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	45.824.723.975	45.018.130.942
Các khoản dự phòng	03	103.267.202.257	46.069.254.646
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	39.668.520	148.745.747
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(32.559.815.095)	(20.875.830.761)
Chi phí lãi vay	06	24.985.344.368	12.991.985.164
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	160.803.614.268	158.870.363.252
Biến động các khoản phải thu	09	(477.790.691.814)	2.881.318.115
Biến động hàng tồn kho	10	(28.753.124.007)	62.678.890.223
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(35.148.841.753)	3.869.922.168
Biến động chi phí trả trước	12	(3.424.001.326)	(7.998.363.120)
		(384.313.044.632)	220.302.130.638
Tiền lãi vay đã trả	14	(24.311.725.142)	(12.767.279.548)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.281.464.553)	(8.316.977.759)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.061.434.200)	(9.076.839.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(431.967.668.527)	190.141.033.637
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(42.079.770.508)	(31.659.641.808)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	310.210.580	265.545.453
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(220.000.000.000)	(255.000.000.000)
Tiền bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	330.000.000.000	70.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	32.633.474.241	18.924.175.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	100.863.914.313	(197.469.920.636)

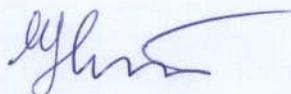
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

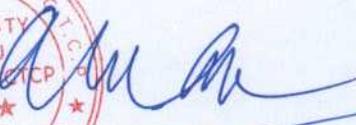
	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.672.667.357.097	865.021.707.783
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.153.435.262.946)	(790.523.240.407)
Tiền trả cổ tức	36	(40.323.153.350)	(96.775.568.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	478.908.940.801	(22.277.100.664)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	147.805.186.587	(29.605.987.663)
Tiền đầu năm	60	64.985.556.982	94.581.864.596
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.497.533)	9.680.049
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	212.789.246.036	64.985.556.982

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viênPhương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động chính được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2025: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 14.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty có 338 nhân viên (1/1/2025: 341 nhân viên).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 năm đến 8 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 Tòa nhà Mipeco, Số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty trong năm trước.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	6.822.737.171	5.079.616.354
Tiền gửi ngân hàng	205.966.508.865	59.905.940.628
	<hr/>	<hr/>
	212.789.246.036	64.985.556.982

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng trong nước hưởng lãi suất là 5,7% một năm (1/1/2025: từ 5,3% - 5,6% một năm).

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	455.180.547.901	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP – công ty liên kết	142.491.085	369.817.800
<i>Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh	919.807.948	1.187.739.871
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	3.694.900.177	3.423.609.401
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	997.309.978	3.674.799.530
Các công ty con khác của Công ty mẹ	46.555.284.282	43.505.316.598
	<hr/> 507.490.341.371	<hr/> 52.161.283.200
Các bên khác		
TotalEnergies Lubrifiants	12.728.814.242	4.913.206.255
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Các khách hàng khác	56.471.238.798	65.036.804.432
	<hr/> 76.666.529.951	<hr/> 77.416.487.598
	<hr/> 584.156.871.322	<hr/> 129.577.770.798

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ	933.273.590	156.000.000
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại THT	2.888.197.321	2.718.311.824
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC	1.521.000.000	2.832.900.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện Việt Nam	1.143.976.001	3.453.990.252
Các nhà cung cấp khác	4.704.820.129	8.578.664.400
	<hr/> 11.191.267.041	<hr/> 17.739.866.476

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	5.633.284.729	3.737.907.130
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	22.337.872.455	18.978.897.839
	<hr/>	<hr/>
	27.971.157.184	22.716.804.969
Các bên khác		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	2.167.215.264	1.247.660.235
Lãi tiền gửi dự thu	1.077.534.247	1.461.403.973
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.417.614.078	2.679.976.888
	<hr/>	<hr/>
	33.633.520.773	28.105.846.065
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu khác từ các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2025			1/1/2025		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn							
Công ty Cổ phần Vận tải	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)
Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)
Công ty TNHH MTV Hàng hải Viễn Đông	Trên 3 năm	661.286.342	(661.286.342)	-	Trên 3 năm	1.026.286.342	(1.026.286.342)
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoàng Phát	Trên 3 năm	4.416.383.872	(4.416.383.872)	-	Trên 3 năm	5.228.291.472	(5.228.291.472)
Các công ty khác	2 - 3 năm	1.192.175.648	(281.470.045)	910.705.603	2 - 3 năm	241.600.907	(169.120.635)
Các công ty khác	1 - 2 năm	735.594.380	(367.797.190)	367.797.190	1 - 2 năm	622.794.964	(311.397.482)
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	424.805.047	(29.648.546)	395.156.501	6 tháng - 1 năm	1.200.686.417	(360.205.925)
		19.469.260.671	(17.795.601.377)	1.673.659.294		20.358.675.484	(19.134.317.238)

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn

(17.795.601.377)

(19.134.317.238)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	19.134.317.238	20.305.721.247
Trích lập trong năm	512.690.225	1.051.411.414
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.851.406.086)	(2.222.815.423)
Số dư cuối năm	<u>17.795.601.377</u>	<u>19.134.317.238</u>

10. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	10.140.025.181	39.942.794.426
Nguyên vật liệu	287.415.440.934	223.924.628.063
Công cụ và dụng cụ	8.171.854.206	8.110.405.233
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.961.268.231	47.212.269.685
Thành phẩm, hàng hóa	194.120.449.223	197.865.816.361
	<u>545.809.037.775</u>	<u>517.055.913.768</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	295.107.879.004	372.581.326.165	59.818.395.754	35.324.644.391	762.832.245.314
Tăng trong năm	2.148.441.093	23.379.374.000	-	12.093.791.206	37.621.606.299
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.952.100.000	5.700.400.051	-	8.652.500.051
Thanh lý	(1.621.153.980)	(6.440.335.730)	(1.193.224.545)	(72.690.000)	(9.327.404.255)
Phân loại lại	(1.639.132.928)	775.221.150	(710.746.581)	1.574.658.359	-
Số dư cuối năm	293.996.033.189	393.247.685.585	63.614.824.679	48.920.403.956	799.778.947.409
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	206.233.461.361	261.832.149.730	38.975.120.599	26.873.312.634	533.914.044.324
Khấu hao trong năm	14.518.853.333	21.808.422.624	3.638.288.102	3.057.537.527	43.023.101.586
Thanh lý	(1.621.153.980)	(6.440.335.730)	(1.193.224.545)	(72.690.000)	(9.327.404.255)
Phân loại lại	(2.410.090.372)	(473.132.802)	1.079.056.677	1.804.166.497	-
Số dư cuối năm	216.721.070.342	276.727.103.822	42.499.240.833	31.662.326.658	567.609.741.655
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	88.874.417.643	110.749.176.435	20.843.275.155	8.451.331.757	228.918.200.990
Số dư cuối năm	77.274.962.847	116.520.581.763	21.115.583.846	17.258.077.298	232.169.205.754

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 235.979 triệu VND (1/1/2025: 209.356 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	14.854.335.312
Tăng trong năm	1.361.426.449
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	952.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	17.167.761.761
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.272.820.175
Khấu hao trong năm	1.411.869.258
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.684.689.433
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	7.581.515.137
Số dư cuối năm	8.483.072.328
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có tài sản với nguyên giá 5.349 triệu VND (1/1/2025: 5.349 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	9.023.751.918	12.445.734.140
Tăng trong năm	9.745.363.263	1.598.947.233
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.652.500.051)	(924.529.455)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(952.000.000)	(4.096.400.000)
Số dư cuối năm	9.164.615.130	9.023.751.918

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự án Kho Đà Nẵng	8.275.751.918	8.275.751.918
Tài sản chờ lắp đặt và các công trình khác	888.863.212	748.000.000
	9.164.615.130	9.023.751.918

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025				1/1/2025						
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con											
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	361.400.000.000	- (*)	-	361.400.000.000	100%	361.400.000.000	-	-	(*)
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	254.300.000.000	(182.777.594.088) (*)	(182.777.594.088)	254.300.000.000	100%	254.300.000.000	(78.171.675.970)	(78.171.675.970)	(*)
			<u>615.700.000.000</u>	<u>(182.777.594.088)</u>		<u>615.700.000.000</u>		<u>615.700.000.000</u>	<u>(78.171.675.970)</u>		
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết											
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP Hải Phòng	Hải Phòng	43,78%	66.000.000.000	(66.000.000.000) (**)	(66.000.000.000)	66.000.000.000	43,78%	66.000.000.000	(66.000.000.000)	(66.000.000.000)	(**)
			<u>681.700.000.000</u>	<u>(248.777.594.088)</u>		<u>681.700.000.000</u>		<u>681.700.000.000</u>	<u>(144.171.675.970)</u>		

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	144.171.675.970	96.931.017.315
Trích lập dự phòng trong năm	104.605.918.118	47.240.658.655
Số dư cuối năm	248.777.594.088	144.171.675.970

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sản vẫn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	27.176.846.269	12.972.082.590	8.291.911.624	25.356.705.521	73.797.546.004
Tăng trong năm	-	-	3.725.475.602	22.517.475.349	26.242.950.951
Phân bổ trong năm	(825.749.543)	(564.003.588)	(4.183.870.485)	(19.242.468.398)	(24.816.092.014)
Số dư cuối năm	26.351.096.726	12.408.079.002	7.833.516.741	28.631.712.472	75.224.404.941

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ	2.753.559.307	331.207.383
Công ty TNHH Castrol BP PETCO – công ty liên kết của công ty mẹ	212.759.615	428.359.912
	<hr/>	<hr/>
	2.966.318.922	759.567.295
Các bên khác		
Exxon Mobil Asia Pacific Pte. Ltd.	30.798.095.921	54.083.697.451
TotalEnergies Lubrificants S.A.	10.779.320.569	8.794.719.355
Apar Industries Ltd	-	21.090.729.800
HP Group Limited	-	23.334.047.554
Các nhà cung cấp khác	42.436.367.590	34.032.925.261
	<hr/>	<hr/>
	84.013.784.080	141.336.119.421
	<hr/>	<hr/>
	86.980.103.002	142.095.686.716

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2025	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	939.361.028	429.555.717.705	(175.255.213.645)	(254.253.533.492)	-	986.331.596	
Thuế nhập khẩu	232.509.061	-	6.236.234.845	(6.003.725.784)	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.843.710.967	6.869.714.405	(21.281.464.553)	-	13.019.463.854	451.424.673	
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.961.295.640	30.679.065.640	(30.449.234.400)	-	-	3.191.126.880	
Thuế thu nhập cá nhân	213.269.076	997.809.220	7.575.402.000	(8.005.976.888)	-	-	353.965.256	
Phí tài chế bảo vệ môi trường	-	19.937.684.948	22.582.347.928	(21.116.498.237)	-	-	21.403.534.639	
Thuế khác	-	5.867.614	1.485.235.273	(3.319.519.532)	-	1.833.432.021	5.015.376	
	445.778.137	26.685.729.417	504.983.717.796	(265.431.633.039)	(254.253.533.492)	14.852.895.875	26.391.398.420	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	6.949.787.685	2.302.432.831
Chi phí lãi vay	673.619.226	-
Chi phí phải trả khác	89.340.000	99.530.000
	<hr/>	<hr/>
	7.712.746.911	2.401.962.831
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải trả cổ tức	2.488.353.120	2.412.723.470
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.096.278.603	2.407.589.559
Các khoản phải trả khác	1.473.914.029	167.193.256
	<hr/>	<hr/>
	6.058.545.752	4.987.506.285
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2025		Biến động trong năm		31/12/2025	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	311.949.385.549	1.672.667.357.097	(1.153.435.262.946)	(6.414.494)	831.175.065.206	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	4,3% - 6,2%	268.085.778.370	35.749.348.649
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	4,1%	24.052.614.183	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,1% - 6,6%	301.511.820.571	267.051.272.949
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,2% - 5%	142.002.376.025	9.148.763.951
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5 - 5,1%	95.522.476.057	-
			831.175.065.206	311.949.385.549

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.718.685.275	11.196.530.298
Trích lập trong năm	-	3.598.994.671
Sử dụng trong năm	(2.061.434.200)	(9.076.839.694)
Số dư cuối năm	<u>3.657.251.075</u>	<u>5.718.685.275</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 1/1/2024	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	92.077.904.255	1.293.609.091.107
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	62.531.786.257	62.531.786.257
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.598.994.671)	(3.598.994.671)
Chia cổ tức (Thuyết minh số 24)	-	-	-	-	-	-	(96.957.079.200)	(96.957.079.200)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(20.522.401)	(20.522.401)
Số dư ngày 1/1/2025	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	54.033.094.240	1.255.564.281.092
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	12.376.775.838	12.376.775.838
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	203.633.265	-	(203.633.265)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh số 24)	-	-	-	-	-	-	(40.398.783.000)	(40.398.783.000)
Số dư ngày 31/12/2025	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.268.305.426	20.463.604.691	25.807.453.813	1.227.542.273.930

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	VND	%
Cổ đông		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

24. Cổ tức

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2024 từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ 5% (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 500 VND) bằng tiền mặt với số tiền là 40.398.783.000 VND (năm 2024: chia cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12% với số tiền là 96.957.079.200 VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng****(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	15.553	410.243.837	129.152	3.261.224.727
Euro (“EUR”)	159	5.038.166	169	4.412.897
		415.282.003		3.265.637.624

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	81.734.000.000	87.976.000.000

(c) Cam kết bảo lãnh khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty vẫn tiếp tục duy trì cam kết bảo lãnh thanh toán đối với 49,3% khoản vay của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP – một công ty liên kết của Công ty, có giá trị ghi sổ là 280.861 triệu VND (1/1/2025: 286.119 triệu VND), bao gồm lãi vay và các chi phí liên quan khác (nếu có) sau khi đã xử lý các biện pháp đảm bảo khác của khoản vay.

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.941.596.296.186	1.788.032.899.605
Bán hóa chất	509.708.120.674	-
Bán hàng hóa khác	34.113.699.434	54.609.784.938
	2.485.418.116.294	1.842.642.684.543

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Giá vốn hàng bán**

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	1.458.868.857.837	1.328.720.121.618
Giá vốn hóa chất	498.387.289.346	-
Giá vốn hàng hóa khác	32.245.889.449	53.970.898.487
	<hr/>	
	1.989.502.036.632	1.382.691.020.105
	<hr/>	

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	8.687.057.262	4.587.022.198
Lợi nhuận được chia	23.562.547.253	16.023.263.110
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.995.617.616	6.735.884.765
	<hr/>	
	37.245.222.131	27.346.170.073
	<hr/>	

30. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	24.985.344.368	12.991.985.164
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.360.825.361	5.406.225.847
Dự phòng tổn thất đầu tư	104.605.918.118	47.240.658.655
Chiết khấu thanh toán	964.933.936	862.130.396
	<hr/>	
	137.917.021.783	66.501.000.062
	<hr/>	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí bán hàng**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	41.355.008.437	37.326.770.572
Chi phí vận chuyển	28.869.832.362	26.429.808.287
Chi phí hỗ trợ bán hàng, quảng cáo, tiếp thị	120.123.253.801	99.117.646.306
Chi phí khấu hao	8.603.176.837	7.393.093.661
Chi phí sửa chữa	5.777.603.622	5.859.773.873
Chi phí bán hàng khác	77.094.564.567	81.646.120.213
	<hr/>	<hr/>
	281.823.439.626	257.773.212.912

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	49.047.425.314	45.596.182.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.992.088.931	4.544.769.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.157.727.924	10.771.260.043
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.338.715.861)	(1.171.404.009)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	28.126.249.218	29.664.865.591
	<hr/>	<hr/>
	94.984.775.526	89.405.673.670

33. Thu nhập khác

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập từ bồi thường	628.365.096	2.019.451.484
Thu nhập từ cho thuê tài sản	-	1.309.090.908
Xử lý thừa kiểm kê	1.256.266.291	841.438.963
Thu nhập khác	341.125.380	621.142.319
	<hr/>	<hr/>
	2.225.756.767	4.791.123.674

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi phí khác**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ chuyên viên tiếp thị	775.964.488	1.690.230.101
Chi phí khác	639.366.894	1.200.763.926
	<hr/>	<hr/>
	1.415.331.382	2.890.994.027
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.302.087.092.561	1.217.447.043.334
Chi phí nhân viên	131.106.271.268	118.691.392.547
Chi phí khấu hao và phân bổ	45.824.723.975	45.018.130.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.033.521.587	37.842.621.601
Chi phí khác	262.909.459.971	230.434.717.840
	<hr/>	<hr/>

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	6.782.696.174	12.900.176.942
Dự phòng thiếu trong những năm trước	87.018.231	-
Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước	-	86.114.315
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.869.714.405	12.986.291.257
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.246.490.243	75.518.077.514
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	3.849.298.049	15.103.615.503
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.768.974.699	1.001.214.061
Thu nhập không bị tính thuế	(4.712.509.451)	(3.204.652.622)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của Văn phòng Tổng công ty	5.876.932.877	-
Chi phí thuế ghi nhận thiếu trong những năm trước	87.018.231	-
Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước	-	86.114.315
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.869.714.405	12.986.291.257

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗ tính thuế (*)	29.384.664.387	5.876.932.877	-	-

(*) Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2030	Chưa quyết toán	29.384.664.387

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ <i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i> Chia cổ tức	31.944.629.500	76.667.110.800
Công ty con <i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</i> Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	512.704.278.736	2.823.845.818
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i> Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.006.739.635	4.584.148.415
Mua hàng hóa	103.309.600	568.327.379
Lợi nhuận được chia	23.562.547.253	16.023.263.110
Công ty liên kết <i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i> Bán hàng hóa	1.070.682.200	1.452.689.100
Công ty liên kết của Công ty mẹ <i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	5.868.351.610	7.453.506.991
Các công ty con của Công ty mẹ <i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An</i> Bán hàng hóa	59.241.549.171	67.067.292.244
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	7.429.289.491	733.309
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ</i> Bán hàng hóa	38.801.395.001	37.488.195.331
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	29.074.649	1.835.733
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh</i> Bán hàng hóa	34.234.140.220	35.769.872.830
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	3.593.905	766.277
Các công ty con khác của Công ty mẹ Bán hàng hóa	1.357.180.003.847	1.248.895.386.853
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	118.426.806.868	2.743.613.376

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tiền lương, thù lao và thưởng	841.633.817	1.004.526.921
Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	934.362.683	956.692.306
Phó Tổng Giám đốc 1 Tiền lương và thưởng	812.895.955	716.457.981
Phó Tổng Giám đốc 2 Tiền lương và thưởng	127.259.816	476.165.981
Phó Tổng Giám đốc 3 Tiền lương và thưởng	680.455.955	716.457.981
Phó Tổng Giám đốc 4 Tiền lương và thưởng	681.064.319	53.067.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 1 Tiền lương, thù lao và thưởng	934.362.683	956.692.306
Thành viên Hội đồng Quản trị 2 Tiền lương, thù lao và thưởng	680.455.955	728.153.981
Thành viên Hội đồng Quản trị 3 Tiền lương, thù lao và thưởng	812.895.955	716.457.981
Thành viên Hội đồng Quản trị 4 Tiền lương, thù lao và thưởng	-	69.681.144
Thành viên Hội đồng Quản trị 5 Tiền lương, thù lao và thưởng	46.998.431	145.630.797
Thành viên Hội đồng Quản trị 6 Tiền lương, thù lao và thưởng	136.094.431	145.630.797
Thành viên Hội đồng Quản trị 7 Tiền lương, thù lao và thưởng	138.217.215	73.827.000
Trưởng Ban Kiểm soát Tiền lương, thù lao và thưởng	680.455.955	728.153.981
Thành viên Ban Kiểm soát 1 Tiền lương, thù lao và thưởng	434.450.259	436.799.838
Thành viên Ban Kiểm soát 2 Tiền lương, thù lao và thưởng	86.887.052	87.359.167

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

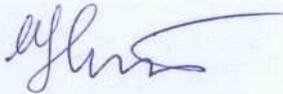
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

CTCP